TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:93/2019/KDTM - PT.
Ngày :19,22/8/2019
V/v: Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.***

Các Thẩm phán : ***Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh***

Bà Ngô Tuyết Băng

Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội ghi biên bản phiên toà : ***Bà Lê thị Giang***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội ***: Bà Nguyễn thị Hoa -*** *KSV*

Ngày 19,22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số:92/2019/TLPT - KDTM ngày 3 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp: Hợp đồng bảo hiểm.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/ KDTM – ST, ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận Hoàn Kiếm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:282/2019/QĐPT – KDTM ngày 1 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: **Công ty TNHH phát triển xây dựng thương mại T**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá P- Giám đốc.

Trụ sở: đường L, phường V, thị xã S, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền : Ông Lê Trọng M. Sinh năm 1993.

HKTT: tổ 21, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

Theo Giấy ủy quyền ngày 05 tháng 6 năm 2018. Địa chỉ liên hệ: A808, tòa M3+ M4, số 91 đường N, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thanh S. Văn phòng Luật sư T.

Bị đơn: **Tổng công ty B**

Trụ sở: số 104 phố T– Quận H - Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân V–Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền : Ông Hoàng Đức Á
Giấy uỷ quyền số 4194 ngày 19/7/2019.
Địa chỉ liên hệ: số 271 đường Q, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.
Ông M, ông Á , luật sư S có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/1/2017, đơn khởi kiện bổ sung nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 24/3/2016, Công ty TNHH Phát triển Xây dựng Thương mại T và Công ty B đã ký kết "Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô" số HTA.D11.OTO.16.HD và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hiểm vật chất cho xe ô tô BKS 29C-623.16 và rơ moóc mang BKS 29R-04213 của Công ty T với thời hạn bảo hiểm là từ 10 giờ ngày 24/3/2016 đến ngày 24/3/2017, phí bảo hiểm (gồm VAT) là 20.630.000 đồng đối với xe ô tô BKS 29C62316, và 6.336.000 đồng đối với xe rơ moóc mang BKS 29R04213, tổng cộng là 26.966.000 đồng.

Theo nội dung thỏa thuận của hợp đồng:

B sẽ bồi thường cho chủ xe những thiệt hại vật chất xe xảy ra do những tai nạn bất ngờ, ngoài sự kiểm soát của chủ xe, lái xe trong trường hợp: Đâm va, lật đổ….

Công ty T phải nộp phí bảo hiểm, trường hợp Công ty T không đóng đủ phí bảo hiểm trong vòng 05 ngày kể từ ngày B cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm có hiệu lực, hợp đồng sẽ tự chấm dứt hiệu lực. Hợp đồng bảo hiểm này sẽ tự động khôi phục kể từ thời điểm B nhận được khoản phí bảo hiểm của khách hàng theo quy định. Ngày 06/4/2016, Công ty T đã chuyển khoản số tiền 26.966.000 đồng đến tài khoản B, số tài khoản 069100 290 8479 để trả phí bảo hiểm cho hai xe ô tô và rơ moóc theo thỏa thuận (Phiếu Ủy nhiệm chi ngày 06/4/2016 lập tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam).

Khoảng 01 giờ 00 phút sáng ngày 08/4/2016, nhân viên lái xe của Công ty Tđã gọi điện cho B thông báo về việc chiếc xe ô tô mang BKS 29C-623.16 và rơ moóc mang BKS 29R-04213 đã bị tai nạn lật đổ khi đang lên ben tại bãi tập kết vật liệu xây

dựng của Công ty T tại xã T, huyện Tthành phố Hà Nội. Khoảng 2 giờ 00 phút sáng ngày 08/4/2016, B đã cử anh Tuấn cán bộ giám định đến giám định hiện trường vụ tai nạn, chụp ảnh hiện trường và xe ô tô bị lật đổ có sự chứng kiến của lái xe và Giám đốc Công ty T. Sự việc trên Công ty T cũng đã trình báo kịp thời tới Công an và Ủy ban nhân dân xã T để ghi nhận sự việc xảy ra. Ngày 10/4/2016, B đã thỏa thuận với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại C (*Công ty C*) kéo xe ô tô và rơ moóc bị lật đổ về xưởng sửa chữa. Tổng chi phí sửa chữa theo báo giá ngày 15/4/2016 của đơn vị sửa chữa là 149.600.000 đồng (*Một trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng*), số tiền này đã được phía B và Công ty C thỏa thuận xác nhận và Công ty T đã thanh toán.

Nhận thấy sự kiện bảo hiểm xảy ra đã đáp ứng đầy đủ điều kiện thanh toán bảo hiểm theo Hợp đồng Bảo hiểm các bên đã thỏa thuận, Công ty T đã đề nghị B thanh toán tiền bảo hiểm hoặc trực tiếp thanh toán với Công ty C để Công ty T khắc phục hậu quả tuy nhiên đến nay B không chi trả tiền bảo hiểm cho Công ty T.

Ngày 14/6/2016, Công ty T đã gửi công văn đến B đề nghị thanh toán số tiền bảo hiểm 149.600.000 đồng trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận công văn hoặc nếu có đề xuất khác thì phải có công văn trả lời trong vòng 05 ngày.

Ngày 10/8/2016, B đã mời Công ty T đến làm việc và có văn bản ghi nhận về thủ tục yêu cầu bồi thường, Công ty T đã cung cấp toàn bộ hồ sơ theo yêu cầu phía B và đã được người đại diện phía B chấp nhận bảo hiểm, đến nay đã quá thời hạn trên mà Công ty T không nhận được bất cứ phản hồi nào từ phía B.

Đối chiếu với quy định tại khoản 3, Điều III Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô số HTA.D11.OTO.16.HD ngày 24/3/2016 ký kết giữa Công ty T và B thì thời điểm xảy ra tai nạn lật đổ (là sự kiện được bảo hiểm theo Điều II của Hợp đồng), Công ty T đã đóng đầy đủ tiền phí bảo hiểm nên Hợp đồng bảo hiểm phát sinh hiệu lực, vì vậy Công ty T khởi kiện yêu cầu :

- Buộc T phải trả tiền bảo hiểm số tiền 123.200.000 đồng đối với xe BKS 29C-623.16 và 12.800.000 đồng đối với rơ moóc mang BKS 29R-04213 cho Công ty T, tổng cộng là 149.600.000 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Buộc T phải trả tiền lãi suất chậm trả đối với số tiền 149.600.000 đồng, lãi suất 13%/01 năm tính từ thời điểm phải thanh toán theo Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết cho đến ngày xét xử vụ án cho Công ty T.

T có ý kiến như sau:

Công ty B là Công ty thành viên hạch toán phụ thuộc của T có cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho xe ô tô và rơ moóc theo Hợp đồng với thời hạn bảo hiểm là từ 10 giờ ngày 24/3/2016 đến ngày 24/3/2017, phí bảo hiểm (gồm VAT) là 20.630.000 đồng đối với xe ô tô BKS 29C62316, và 6.336.000 đồng đối với xe rơ moóc mang BKS 29R04213, tổng cộng là 26.966.000 đồng.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 06/4/2016, B đã nhận được số tiền 26.966.000 đồng qua chuyển khoản để chi trả phí bảo hiểm cho hai xe ô tô và rơ moóc theo thỏa thuận.(Ủy nhiệm chi ngày 06/4/2016 lập tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam).

Khoảng 0h30’ ngày 08/4/2016, B nhận được thông báo tai nạn của lái xe Nguyễn Văn N nội dung về việc xe ô tô BKS 29C62316 bị tai nạn hồi 0h20’ ngày 08/4/2016 tại bãi đá của Công ty T, địa chỉ T, xã T, Thạch Thất, Hà Nội, nguyên nhân tai nạn là khi lên ben đổ hàng, nền đường yếu, lún dẫn đến lật đổ thùng ben rơ mooc gây thiệt hại ước tính khoảng 200 triệu đồng. B đã cử cán bộ đến hiện trường tiến hành giám định thiệt hại.

T sau khi nghiên cứu hồ sơ thấy có dấu hiệu nghi ngờ trục lợi bảo hiểm (*Căn cứ vào Đơn trình bày ngày 08/4/2016 của lái xe gây tai nạn và bản tường trình tiếp theo của lái xe ngày 13/4/2016 thì tai nạn xe xảy ra vào hồi 23 giờ 45 phút ngày 07/4/2016. Theo Thông báo tai nạn của chủ xe thì thời gian xảy ra vào hồi 0 giờ 20 phút ngày 08/4/2016. Như vậy có sự mâu thuẫn giữa hai văn bản*) nên đã đề nghị Phòng PA81 Công an TP Hà Nội điều tra làm rõ, đồng thời đề nghị khách hàng cũng như Công ty TNHH PTCN điện tử B (*viết tắt Công ty B*) cung cấp bản giám sát hành trình xe bị tai nạn.

Căn cứ vào công văn của Công ty B cung cấp thông tin giám sát hành trình thể hiện xe ô tô BKS 29C-623.16 và rơ moóc mang BKS 29R-04213 không hoạt động mà dừng tại vị trí đại lộ Thăng Long từ 18 giờ 07 phút ngày 06/4/2016 đến ngày 08/4/2016. Hành vi của Công ty TNHH phát triển xây dựng thương mại T là vi phạm pháp luật nhưng do thời điểm ngày 06/4/2016 quy định về tội trục lợi bảo hiểm là tội phạm chưa hoàn thành do chưa trục lợi được bảo hiểm nên không có việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Cơ quan Công an đã kết luận đây là vụ việc dân sự để hai bên tự giải quyết. T không chấp nhận yêu cầu đòi tiền bảo hiểm của nguyên đơn , đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/ KDTM – ST, ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận Hoàn Kiếm đã quyết định như sau :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH phát triển xây dựng thương mại T đối với bị đơn - T;

1.1. Buộc T phải trả tiền bảo hiểm cho Công ty TNHH Phát triển Xây dựng Thương mại T, tổng cộng là 149.600.000 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng) (*trong đó có 123.200.000 đồng đối với xe ô tô BKS 29C-623.16 và 12.800.000 đồng đối với rơ moóc mang BKS 29R-04213*).

1.2. Buộc T phải trả lãi suất chậm trả (lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng) đối với số tiền 149.600.000 đồng, tính từ 08 tháng 5 năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 66.831.443 đồng (Sáu mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi mốt nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng).

2. Án phí:

- T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.821.572 đồng (mười triệu, tám trăm hai mươi mốt nghìn, năm trăm bẩy mươi hai đồng)

Sau khi xét xử sơ thẩm :

Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

Người đại diện của nguyên đơn và luật sư thống nhất trình bày : đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện của bị đơn trình bày : B chỉ kháng cáo về thời điểm xảy ra tai nạn, còn những nội dung khác không có ý kiến gì. Căn cứ kết quả giám sát hành trình lắp tại xe ô tô BKS 29C-623.16 và rơ moóc mang BKS 29R-04213 thì xe ô tô nêu trên không hoạt động mà dừng tại vị trí đại lộ Thăng Long từ 18 giờ 07 phút ngày 06/4/2016 đến ngày 08/4/2016, điều đó thể hiện xe bị tai nạn lật đổ từ từ 18 giờ 07 phút ngày 06/4/2016, khi đó Công ty T chưa nộp tiền bảo hiểm nên không phát sinh trách nhiệm bảo hiểm, do vậy B đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của các đương sự trong thời hạn Luật định.

Tại Điều I của Hợp đồng bảo hiểm về sự kiện bảo hiểm được phát sinh áp dụng "Quy tắc bảo hiểm ô tô ban hành theo Quyết định số 567/BHBV/QĐ-TGĐ/2015 ngày 19/3/2015" của T. Hồ sơ yêu cầu bồi thường theo quy định của Quy tắc bảo hiểm ô tô tại Điều VII của hợp đồng, không có quy định bắt buộc Công ty T phải cung cấp tài liệu giám sát hành trình của ô tô được bảo hiểm.Tài liệu do Công ty B cung cấp chỉ là tài liệu mang tính chất tham khảo.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị đơn đã cung cấp toàn bộ bản ảnh do cán bộ bảo hiểm lập rạng sáng và ngày 8/4/2016, do đó xác định việc xảy ra tai nạn đối với xe ô tô BKS29C-623.16 và rơ moóc mang BKS 29R-04213 là có thật, thời gian xảy ra trong khoảng thời gian từ 23 giờ 45 phút ngày 07/4/2016 đến 01 giờ 45 phút ngày 08/4/2016 thuộc thời gian có hiệu lực của hợp đồng đã làm phát sinh về trách nhiệm bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết.

Bị đơn cho rằng tài liệu của Công ty T có khoảng thời gian không thống nhất.Nhận thấy: Việc các bên nêu thời gian không thống nhất không làm ảnh hưởng đến bản chất vụ việc bởi ngay sau khi xảy ra tai nạn thì lái xe đã trình báo với đơn vị bảo hiểm và cơ quan có thẩm quyền và chính B đã đến hiện trường vụ tai nạn và lập biên bản giám định thiệt hại xe cơ giới vào hồi 01h và lập Biên bản hiện trường vào hồi 02h ngày 08/4/2016. Tiếp theo B còn chụp nhiều bản ảnh hiện trường vào rạng sáng và ngày 08/4/2016 sau đó cũng chính B quyết định đề xuất đưa xe tai nạn vào Công ty C để sửa chữa. Tại mục đánh giá và kết luận của Biên bản giám định thiệt hại xe cơ giới thể hiện nội dung: " *Tình trạng kỹ thuật của các bộ phận bị thiệt hại trước khi xảy ra tai nạn: Đang hoạt động bình thường*" không phải như trình bày của bị đơn cho rằng xe không hoạt động từ ngày 06/04 đến 08/04/2016. Do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi tiền bảo hiểm 149.600.000 đồng của nguyên đơn là có căn cứ.

Theo thỏa thuận của các bên, tại Điều 11 khoản 2 của "Quy tắc bảo hiểm ô tô ban hành theo Quyết định số 567/BHBV/QĐ-TGĐ/2015 ngày 19/3/2015" quy định "*Trong thời hạn không kéo dài quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ bồi thường đầy đủ, hợp lệ, Bảo Việt phải thanh toán số tiền bảo hiểm cho khách hàng".* Như vậy, thời điểm B phải thanh toán số tiền bảo hiểm cho Công ty T là ngày 08/5/2016, do Bảo Việt không

thanh toán số tiền trên nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền 149.600.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS

- Bác kháng cáo của bị đơn.

- Giữ nguyên Bản án KDTM sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 12/4/2019 của Tòa án ND quận Hoàn Kiếm.

- Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng : Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn Luật định.

- Về Quan hệ pháp luật: Ngày 24.3.2016 Công ty T và B ký kết "Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô" số HTA.D11.OTO.16.HD, Giấy chứng nhận bảo hiểm cho xe ô tô BKS 29C-623.16 và rơ moócBKS 29R-04213. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm hai bên xảy ra tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm là phù hợp theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về Hợp đồng bảo hiểm :

+ Công ty Thịnh Phát do ông Nguyễn Bá P – Giám đốc và B do ông Lê Đức H– Phó Giám đốc ký kết hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe cơ giới số HTA.D11.OTO.16.HD ngày 24.3.2016 là đúng thẩm quyền.

+ Quá trình thực hiện Hợp đồng, ngày 6/4/2016 Công ty T đã nộp tiền phí bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm và được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 001896337, 001896337 với thời hạn bảo hiểm từ 10h ngày 24/3/2016 đến 24/3/2017, như vậy Hợp đồng bảo hiểm phát sinh hiệu lực.

+ Về sự kiện bảo hiểm , tai nạn xảy ra , thiệt hại xảy ra, chi phí sửa chữa xe ô tô các bên đương sự không tranh chấp , nên không xét. Hai bên tranh chấp về thời điểm xảy ra tai nạn cụ thể : Công ty T cho rằng thời điểm xe tai nạn là từ 23h45 ngày 7/4/2016 đến 0h20 ngày 8/4/2016, Bảo Việt cho rằng thời điểm xe tai nạn là từ 18h07 ngày 6/4/2016, do vậy Hội đồng xét xử làm rõ nội dung trên.

Căn cứ vào các Hợp đồng bảo hiểm và lời thừa nhận của hai bên thể hiện : Công ty T kinh doanh lĩnh vực vận tải có mua bảo hiểm của B từ 2014 - 2015 – 2016 với 04 xe ô tô , hai bên ký nhiều hợp đồng bảo hiểm trả tiền bảo hiểm đầy đủ không có tranh chấp, điều đó thể hiện hai bên có quan hệ kinh doanh bảo hiểm từ trước khi xảy ra tai nạn . Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số HTA.D11.OTO.16.HD ký kết ngày 24.3.2016, tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng thì xe ô tô BKS 29C-623.16 và rơ moóc BKS 29R-04213 vẫn hoạt động bình thường, đến ngày 7/4/2016 xảy ra tai nạn, điều đó thể hiện Công ty T không có mục đích trục lợi bảo hiểm tại thời điểm ký kết hợp đồng bảo hiểm. Sau khi xảy ra tai nạn , ngày 20/4/2016 B có công văn về việc đề nghị điều tra xác minh sự việc nghi dấu hiệu trục lợi bảo hiểm của Công ty T, sau khi điều tra, ngày 15/10/2018 Phòng An ninh, tài chính, tiền tệ và đầu tư - Công an thành phố Hà Nội đã có văn bản số 548/PANTCTTĐT với nội dung : "*Căn cứ kết quả xác minh Phòng An ninh, tài chính, tiền tệ và đầu tư xác định vụ việc nêu trên mang tính chất dân sự và thực hiện ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Công an Thành phố , Phòng An ninh, tài chính, tiền tệ và đầu tưđã trao đổi với Công ty B xử lý theo quy định*", do vậy việc B cho rằng Công ty T có mục đích trục lợi bảo hiểm là không có căn cứ để chấp nhận.

- Căn cứ vào Giấy báo nợ, sao kê tài khoản Ngân hàng thể hiện vào hồi 19h35 ngày 6/4/2016 Công ty T trả tiền mua bảo hiểm cho Bảo Việt đối với xe ô tô BKS 29C-623.16 và rơ moóc BKS 29R-04213 với số tiền 26.966.000đ theo thỏa thuận như vậy Công ty T hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng, do vậy Hợp đồng bảo hiểm phát sinh hiệu lực.

- Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự, lời khai của người làm chứng thể hiện từ 23h45 ngày 7/4/2016 đến 0h20 ngày 8/4/2016 Công ty T có gọi điện thoại cho B và thông báo về việc tại Bãi đá của Công ty T xe ô tô BKS 29C-623.16 và rơ moóc BKS 29R-04213 bị lật. Sau đó vào hồi 1h20 Đại diện của B đã đến hiện trường và các bên tiến hành lập Biên bản hiện trường, chụp ảnh hiện trường. Tiếp theo Công ty T làm Biên bản hiện trường có xác nhận của UBND xã T, Đơn trình bày, sơ đồ hiện trường có xác nhận của Trưởng Công an xã T.Từ 8h đến 9h ngày 8/4/2016 Công an xã T cử 3 đồng chí công an xuống hiện trường xác định có sự việc xe ô tô bị đổ đúng như Công ty T trình báo. Cũng thời gian đó đại diện của B, lái xe, bảo vệ bãi đá lập Biên bản khám nghiệm hiện trường , vẽ sơ đồ hiện trường , chụp ảnh toàn bộ hiện trường, Biên bản giám định thiệt hại xe cơ giới , tất cả các tài liệu nêu trên đều

được lập ngay sau khi tai nạn xảy ra và các bên đã hoàn tất các thủ tục theo đúng quy định tại điều VII Hợp đồng bảo hiểm số HTA.D11.OTO.16.HD mà hai bên đã ký kết.

Thấy rằng bãi đá do Công ty T quản lý ngay mặt đường quốc lộ , xe cộ qua lại thường xuyên, Công ty T kinh doanh đá xây dựng và tại thời điểm đó có 5 xe ô tô đang hoạt động , hàng ngày có xe ra vào vận chuyển đá, căn cứ vào Bản ảnh hiện trường, Biên bản hiện trường , Biên bản giám định hiện trường thể hiện : " *Tại hiện trường vết dầu loang đổ lênh láng*" , các dấu vết bản ảnh thể hiện tại các chỗ gẫy, đổ dầu mỡ còn ướt điều đó thể hiện nếu như xe ô tô đổ từ 6/4/2016 thì với hiện trường là bãi đá như đã phân tích ở trên các vết dầu loang , dấu vết dầu mỡ không thể còn mới và ướt như vậy. Hơn nữa ngay tại thời điểm hồi 9h30 ngày 8/4/2016 trước sự chứng kiến của Công ty T, B cũng lập Biên bản giám định hiện trường mô tả hiện trường và không hề có ý kiến hoặc nghi ngờ gì về việc dấu vết tai nạn mới hay cũ , và không có tranh chấp về thời điểm xảy ra sự việc đổ xe.

Điều 48 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định : " *1. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm , doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện việc giám định xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. 2. Trong trường hợp các bên không thống nhất về nguyên nhân và mức độ tổn thất thì có thể trưng cầu giám định viên độc lập* ". Như vậy khi xảy ra tai nạn nếu như Bảo Việt có nghi ngờ về thời gian xảy ra tai nạn thì B phải trưng cầu giám định viên độc lập, trong trường hợp nêu trên B đã không thực hiện việc trưng cầu giám định viên độc lập thì phải chịu trách nhiệm về việc giám định của mình.

Công ty T và B đều thừa nhận ngày 10/4/2016 hai bên thoả thuận Công ty TNHH xây dựng và thương mại C kéo xe ô tô và rơ moóc bị lật về xưởng sửa chữa và cũng không có bất kỳ khiếu nại gì liên quan đến thời điểm xảy ra tai nạn.

Căn cứ vào tài liệu do Công ty B cung cấp thì thấy rằng thiết bị giám sát hành trình được gắn trên xe ô tô BKS 29C-623.16 và rơ moóc BKS 29R-04213 chỉ thể hiện trong thời gian từ 18h07 ngày 6/4/2016 đến 11h30 ngày 8/4/2016 xe ô tô nêu trên không di chuyển và dừng ở vị trí Đại L, xã T– Huyện T– Hà Nội chứ thiết bị nêu trên cũng không thể hiện xe ô tô nêu trên bị đổ, do vậy việc Bảo Việt căn cứ vào chứng cứ này để cho rằng xe ô tô nêu trên xảy ra tai nạn vào thời điểm 18h07 ngày 6/4/2016 là không có căn cứ để chấp nhận.

- Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai người làm chứng thấy rằng tai nạn xảy ra là xe ô tô BKS 29C-623.16 và rơ moóc BKS 29R-04213bị lật đổ, sự kiện

bảo hiểm là có thật, thời gian xảy ra sự kiện bảo hiểm trong khoảng thời gian từ 23 giờ 45 phút ngày 07/4/2016 đến 01 giờ 45 phút ngày 08/4/2016 thuộc thời gian có hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm, do vậy làm phát sinh về trách nhiệm bảo hiểm của Bảo Việt theo hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Bảo Việt phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty T là có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên toà phúc thẩm hai bên không tranh chấp về số tiền bồi thường 149.600.000 đồng, số tiền lãi là nên Toà không xem xét.

Từ những nhận định trên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Bảo Việt, căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí : B phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với pháp luật .

Từ những nhận định trên!

Căn cứ Điều 14, 15 , điểm c khoản 2 điều 17 , điều 46, điểm c khoản 1 điều 47, điều 48, Luật kinh doanh bảo hiểm.

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 1 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 điều 26, Khoản 1 điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí , lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của T.

Giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/ KDTM – ST, ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận Hoàn Kiếm và quyết định như sau :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH phát triển xây dựng thương mại T đối với bị đơn - T;

1.1. Buộc T phải trả tiền bảo hiểm cho Công ty TNHH Phát triển Xây dựng Thương mại T, tổng cộng là 149.600.000 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng) (*trong đó có 123.200.000 đồng đối với xe ô tô BKS 29C-623.16 và 12.800.000 đồng đối với rơ moóc mang BKS 29R-04213*).

1.2. Buộc T phải trả lãi suất chậm trả (lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng) đối với số tiền 149.600.000 đồng, tính từ 08 tháng 5 năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 66.831.443 đồng (Sáu mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi mốt nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng).

2. Án phí:

- T phải chịu án phí sơ thẩm là 10.821.572 đồng (mười triệu, tám trăm hai mươi mốt nghìn, năm trăm bẩy mươi hai đồng) (chưa nộp) và 2.000.000đ án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nộp tại biên lai số 3024 ngày 13/5/2019 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

Trả lại Công ty TNHH phát triển xây dựng thương mại T số tiền 970.000 đồng (Chín trăm bẩy mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/0002481 ngày 27/7/2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm và 3.740.000 đồng (Ba triệu, bẩy trăm bốn mươi nghìn đồng) nộp tại Biên lai tạm ứng án phí số AM/2010/0003258 ngày 4/4/2017 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông.

3. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

4. *Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)
Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Nơi nhận:
- *Tòa án ND Quận Hoàn Kiếm;*
- *Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;*
- *Đương sự.*
- *Lưu.*